



Original Article

Theoretical Issues on Crime Prevention

Nguyen Khac Hai*

VNU University of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 5 June 2023

Revised 16 January 2024; Accepted 25 June 2024

Abstract: Crime is a complex, diverse and constantly changing phenomenon. Crime prevention strategies, programs and measures selected for a nation or community should be compatible with the limited resources of that society to ensure effectiveness. Therefore, awareness and prediction of crime phenomenon, the identification of the desired prevention effect, and the expansion of prevention initiatives both in the public and private sectors to control it are essential. In addition, this study opens up new avenues for research in Vietnam and offers a variety of approaches to categorize and systematize crime preventive actors and institutions. The article also analyzes the basic principle underlying the guidelines for crime prevention. Based on the theoretical issues that have been resolved, the article suggests further research directions in Vietnam.

Keywords: Crime prevention, crime prevention program, crime prevention strategy.

* Corresponding author.

E-mail address: hai78@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4563>

Lý luận về phòng ngừa tội phạm

Nguyễn Khắc Hải*

Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 5 tháng 6 năm 2023

Chỉnh sửa ngày 16 tháng 01 năm 2024; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2024

Tóm tắt: Tội phạm là hiện tượng phức tạp, đa dạng và liên tục biến đổi. Các chiến lược, chương trình, biện pháp phòng ngừa tội phạm được lựa chọn cho một quốc gia, cộng đồng cần phải tương thích với nguồn lực có giới hạn của xã hội đó để bảo đảm được tính tối ưu, hiệu quả. Chính vì vậy nhận thức và dự đoán về hiện tượng tội phạm, định rõ hiệu quả phòng ngừa mong muốn, mở rộng các sáng kiến phòng ngừa cả ở khu vực nhà nước và tư nhân để kiểm soát nó là hết sức cần thiết. Ngoài ra, nghiên cứu này cũng đưa ra một số cách phân loại và hệ thống các chủ thể và thiết chế phòng ngừa tội phạm. Bài viết cũng phân tích các nguyên tắc cơ bản làm cơ sở cho các hướng dẫn phòng ngừa tội phạm. Trên cơ sở những vấn đề lý luận đã được giải quyết, bài viết gợi mở những hướng nghiên cứu tiếp theo tại Việt Nam.

Từ khóa: Phòng ngừa tội phạm, chương trình phòng ngừa tội phạm, chiến lược phòng ngừa tội phạm.

1. Khái niệm phòng ngừa tội phạm

Phòng ngừa tội phạm bao gồm các chiến lược và biện pháp nhằm khắc phục nguy cơ xảy ra tội phạm và những tác động có hại của chúng đối với cá nhân và xã hội, bao gồm cả nỗi sợ hãi về tội phạm bằng cách can thiệp để tác động đến nhiều nguyên nhân của chúng.

Các chiến lược ngăn ngừa tội phạm được hoạch định tốt không chỉ phòng ngừa tội phạm mà còn bảo vệ an toàn cộng đồng và góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững của các quốc gia. Phòng ngừa tội phạm cần thể hiện rõ và gắn trách nhiệm của các chủ thể phòng ngừa với nguồn lực và quyền hạn được cung cấp. Sự can thiệp thông qua công tác phòng ngừa có hiệu quả sẽ nâng cao chất lượng cuộc sống của tất cả các công dân. Nó có lợi ích lâu dài về việc giảm các chi phí liên quan đến hệ thống tư pháp hình sự cũng như các chi phí xã hội khác phát sinh từ tội phạm. Phòng ngừa tội phạm là một phương pháp tiếp cận nhân

văn và tiết kiệm về chi phí đối với các vấn đề tội phạm. Các yếu tố cần thiết để ngăn ngừa tội phạm hiệu quả cần được chỉ dẫn một cách chi tiết, hệ thống.

Các biện pháp phòng ngừa rất nhiều nhưng do nguồn lực về nhân sự và tài chính, năng lực khoa học, công nghệ cũng như các yếu tố khác như nhận thức, thói quen và thậm chí là chính trị nên việc lựa chọn các chiến lược sẽ khá khó khăn trong một số trường hợp.

Việc xác định phạm vi và ranh giới cũng như đưa ra định nghĩa về phòng ngừa tội phạm không hề dễ dàng bởi nó thường dựa trên một chủ thuyết nhất định, ví dụ như thuyết kiểm soát xã hội [1]. Dù chọn theo hướng nào, định nghĩa về phòng ngừa tội phạm cũng phải rõ ràng, cụ thể, hướng tới những mục đích nhất định với các hoạt động, chương trình can thiệp được lên kế hoạch. Chúng ta có thể thấy khó khăn trong việc giải quyết các vấn đề xã hội thông qua việc xử lý các

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: hai78@yahoo.com

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4363>

nguyên nhân gốc rễ của hành vi phạm tội và như vậy rõ ràng sẽ góp phần đấu tranh phòng ngừa tội phạm. Nhưng liệu chúng ta có cho rằng các kỹ năng chăm sóc con cái tích cực và giáo dục mẫu giáo (hai cách quan trọng để giảm khả năng phạm tội và các hành vi lệch trong tương lai) là phòng ngừa tội phạm? Liệu cảnh sát có được coi là chủ thể phòng ngừa và nhà tù có được coi là thiết chế phòng ngừa tội phạm? Chiến lược phòng ngừa tội phạm về cơ bản khác với cách tiếp cận truyền thống của tư pháp hình sự. Tuy nhiên cả cảnh sát và hệ thống hình phạt có thể phòng ngừa tội phạm bằng cách bắt giữ những người phạm tội và bỏ tù họ nhằm ngăn họ tiếp tục phạm tội trong tương lai. Trong những năm gần đây, cảnh sát không chỉ sử dụng các biện pháp truyền thống mà ngày càng hợp nhất các phương thức phòng ngừa dựa trên nền tảng cộng đồng và các nguyên tắc kiểm soát có định hướng rõ tình hình.

Có nhiều triết lý, chiến lược, chương trình và thực tiễn có thể được xem là “phòng ngừa tội phạm”. Chúng ta nên đánh giá liệu một chương trình hay chiến lược cụ thể nào đó có tính phòng ngừa hay không bằng kết quả của nó chứ không phải bằng phương pháp hay mục đích của nó. Đồng thời cần xác định xem cái gì nên và không nên có trong chiến lược phòng ngừa tội phạm.

Nếu xem xét tội phạm ở bất kỳ góc độ phòng ngừa nào thì có thể hiểu đó là phòng ngừa tội phạm theo nghĩa rộng. Vậy định nghĩa phòng ngừa tội phạm sẽ thế nào? Nó nên được định nghĩa hẹp hay rộng? Định nghĩa nên thể hiện phương pháp hay kết quả của nó? Các thông số nào sẽ được áp dụng để định nghĩa phòng ngừa tội phạm?

Phòng ngừa tội phạm là sự can thiệp chung và riêng thông qua tổng thể các biện pháp, chương trình, chiến lược áp dụng cho người phạm tội tiềm tàng và nạn nhân tiềm tàng, có xác định mục tiêu rõ ràng, được tiến hành bởi các chủ thể, thiết chế nhà nước và cộng đồng, trong đó nhấn mạnh vào cách tiếp cận vấn đề có định hướng nhằm kiểm soát những hành vi không phù hợp với xã hội, hành vi phạm tội, cũng như giải quyết những khía cạnh liên quan đến tội phạm như nỗi sợ hãi, sự rối loạn về tâm lý, mất an ninh, trật tự.

Theo đó, phòng ngừa tội phạm phải bao hàm trong nó những đặc điểm sau:

Thứ nhất, phòng ngừa tội phạm là việc tiến hành những chiến lược, chương trình, biện pháp nhất định trong hiện tại để tội phạm không xảy ra trong tương lai và đây là hoạt động thể hiện được tính “dự đoán” về “khả năng phạm tội”. Phòng ngừa tội phạm phải thể hiện rõ tính định hướng vấn đề của nó trong việc xác định phạm vi và bản chất của tội phạm và sau đó thiết lập một cách phản ứng phù hợp thông qua “nhận diện và đánh giá”.

Thứ hai, phòng ngừa tội phạm bao hàm những nỗ lực của chính phủ cũng như các chủ thể và thiết chế phi chính phủ cho nên nó có thể xuất phát từ “sáng kiến của cá nhân hay nhóm cá nhân” được sáng tạo bởi những cá nhân, nhóm dân cư, nhóm cộng đồng, doanh nghiệp,... Đặc điểm này cho phép phân biệt phòng ngừa tội phạm với cách tiếp cận tư pháp hình sự truyền thống. Định nghĩa về phòng ngừa tội phạm cần tạo ra những ranh giới giúp làm rõ khái niệm “phòng ngừa tội phạm” mà không dựa hoàn toàn vào “luật hình sự”.

Thứ ba, phòng ngừa tội phạm can thiệp vào cơ chế của hành vi phạm tội và loại bỏ một số hành vi phạm tội, cũng như tìm cách giảm xác suất xảy ra đối với một số tội phạm khác. Trong một khoảng thời gian nhất định và tại một địa điểm xác định, có khả năng loại bỏ một/một số loại hành vi phạm tội. Nhưng nhìn chung, sự can thiệp sẽ làm giảm xác suất thực hiện hiện tại tội phạm.

Thứ tư, phòng ngừa tội phạm cần chú trọng “kết quả” chứ không phải “mục đích” của nó. Điều đó có nghĩa là kết quả mới là yếu tố cốt lõi để định nghĩa về phòng ngừa tội phạm. Nếu một chiến lược hoặc chương trình, biện pháp nhằm phòng ngừa hành vi phạm tội xảy ra hoặc phòng ngừa hành vi trở nên nghiêm trọng hơn, nó sẽ được xem là phòng ngừa tội phạm. Những kết quả này có thể được định nghĩa theo nhiều cách: làm giảm hoặc ngăn chặn các sự kiện phạm tội cụ thể, làm giảm số lượng người phạm tội, các trường hợp làm giảm hoặc ngăn chặn hậu quả của tội phạm, hoặc làm giảm số nạn nhân bị thiệt hại. Như vậy, phòng ngừa tội phạm tập trung vào kết quả là ngăn ngừa tội

phạm. Định nghĩa khái niệm phòng ngừa tội phạm bằng kết quả cho thấy sự tổng hợp nhiều cách tiếp cận, từ làm việc với những trẻ em có nguy cơ bị xâm hại bởi tội phạm tới việc giam giữ những người phạm tội chuyên nghiệp.

Thứ năm, phòng ngừa tội phạm cần được giới hạn. Đó là các hành vi có mục đích phòng ngừa sự bắt đầu hành vi tội phạm của cá nhân hoặc hành vi tội phạm xảy ra trong một địa điểm cụ thể. Đa số thủ tục pháp lý và hành động dựa trên hình phạt không nên được coi là phòng ngừa [2].

2. Phân loại phòng ngừa tội phạm

i) Căn cứ vào chiến lược phòng ngừa, có thể phân làm ba loại, đó là:

- Chiến lược nuôi dưỡng có định hướng
- Chiến lược bảo vệ/phòng tránh
- Chiến lược ngăn chặn.

a) Các chiến lược nuôi dưỡng có định hướng "cố gắng ngăn chặn sự phát triển của tội phạm bằng cách cải thiện kinh nghiệm sống từ sớm và hướng vào sự phát triển của trẻ vị thành niên" thành các hướng mong muốn. Các chiến lược nuôi dưỡng bao gồm tăng cường chăm sóc sức khỏe cho trẻ sơ sinh và bà mẹ, chăm sóc trẻ em cho các gia đình có thu nhập thấp, đào tạo kỹ năng nuôi dạy con, nâng cao giáo dục cộng đồng và các chương trình ở trường.

b) Chiến lược bảo vệ/phòng tránh chứa đựng những "cố gắng giảm bớt các cơ hội phạm tội bằng cách thay đổi các hoạt động thường lệ của mọi người, tăng cường sự giám hộ hoặc làm mất khả năng phạm tội". Chiến lược này thể hiện thông qua việc vô hiệu hóa những người phạm tội bị kết án thông qua giam giữ hoặc sử dụng các thiết bị giám sát điện tử, sử dụng thiết kế kiến trúc an toàn cho các tòa nhà và các chương trình phòng, chống tội phạm như sự kiểm soát, tuần tra trong khu phố, cũng như tăng cường chính sách cho phù hợp với thể loại này.

c) Chiến lược ngăn chặn nỗ lực loại bỏ động cơ phạm tội bằng việc tăng cường phát hiện và trừng phạt mạnh mẽ, kịp thời. Những luật mới và

ngghiêm khắc, thủ tục tố tụng nhanh chóng hơn, hình phạt tăng nặng và nhanh chóng kết án chính là tất cả các chiến lược ngăn chặn.

Một chiến lược phòng ngừa tội phạm toàn diện sẽ là một sự kết hợp cân bằng giữa bảo vệ/phòng tránh, ngăn chặn và các chiến lược nuôi dưỡng. Việc đạt được sự cân bằng hiệu quả trong một thể giới nhạy cảm về mặt chính trị là một việc khó khăn. Tại Canada, nhiều sáng kiến phòng ngừa tội phạm nhấn mạnh cách tiếp cận nuôi dưỡng. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các yếu tố chính trị mà các biện pháp phòng ngừa tội phạm vẫn tập trung vào các chiến lược bảo vệ, phòng tránh và ngăn chặn [3].

ii) Căn cứ vào đối tượng thụ hưởng, phòng ngừa được phân thành phòng ngừa tập thể và phòng ngừa cá nhân.

Biện pháp phòng ngừa cá nhân cần xác định thông tin về các cá thể hoạt động riêng rẽ để từ đó có biện pháp tránh tội phạm xâm hại đến nạn nhân. Ví dụ, biện pháp khóa cửa, đặt chuông báo chống trộm, khóa cần tay lái ô tô, chốt cửa sổ, tránh đi lang thang ở một số địa điểm vào buổi đêm, mang xịt hơi cay hay súng, hoặc tham dự lớp học tự vệ. Những phương pháp này được sử dụng để bảo vệ cá nhân hoặc tài sản tư gần gũi (ví dụ như nhà ở). Biện pháp phòng ngừa tập thể áp dụng cho hai hay nhiều người nhằm tăng tính bảo vệ cho đối tượng (bản thân và môi trường gần gũi xung quanh như công viên, khu phố nơi người đó cư trú, sân chơi,...). Biện pháp này đóng vai trò quan trọng trong xây dựng biện pháp phòng ngừa tội phạm cộng đồng như (quan sát khu vực xung quanh) hoặc tuần tra khu lân cận,... Bản chất của biện pháp này là tạo sự bảo vệ dựa trên liên kết giữa nhiều người mà từng cá nhân không thực hiện được [4]. Biện pháp chung này sẽ giúp tăng tương tác, gắn kết trong xã hội, tạo sự kiểm soát chung cho xã hội một cách tự nhiên.

iii) Căn cứ vào các yếu tố cấu thành, phòng ngừa tội phạm được phân thành năm loại:

a) Thực thi pháp luật - biện pháp phòng ngừa cơ bản do cơ quan có thẩm quyền thực hiện như công an, tòa án.

b) Sự phát triển - biện pháp phòng ngừa sự phát triển của tội phạm tiềm năng.

c) Xã hội - biện pháp thay đổi điều kiện xã hội ảnh hưởng đến tội phạm và nạn nhân của tội phạm trong xã hội.

d) Tình huống - biện pháp phòng ngừa tội phạm, giảm cơ hội phạm tội và tăng nguy cơ phát hiện, bắt giữ.

e) Tái phạm - biện pháp giáo dục, cải tạo, tái hoà nhập xã hội người phạm tội để phòng ngừa họ tiếp tục phạm tội.

iii) Căn cứ vào cách tiếp cận, phòng ngừa có thể chia thành: 1) phòng ngừa tình huống phạm tội; 2) phòng ngừa tội phạm trên cơ sở phát triển xã hội hướng tới các thanh thiếu niên; 3) phòng ngừa tội phạm trên nền tảng cộng đồng; 4) phòng ngừa tội phạm thông qua tái hoà nhập xã hội cho những người phạm tội.

3. Chủ thể và các thiết chế phòng ngừa tội phạm

Chủ thể và các thiết chế phòng ngừa tội phạm chính là những phương tiện, phương thức chuyển tải các phương pháp phòng ngừa tội phạm. Có nhiều cá nhân, nhóm người, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp chịu tác động của các biện pháp và chương trình phòng ngừa tội phạm. Các nhóm cụ thể để xây dựng các biện pháp phòng ngừa bao gồm: 1) gia đình, 2) trường học, 3) thị trường lao động, 4) khu dân cư và cộng đồng, 5) những địa điểm, 6) lực lượng công an và hệ thống tư pháp hình sự, 7) nhân sự của chính phủ, dịch vụ công cộng, 8) hệ thống chăm sóc sức khỏe (tâm lý và tâm thần).

- Gia đình

Gia đình là yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy hoặc ngăn chặn sự phát triển tội phạm tiềm năng trong hành vi trẻ em bởi gia đình là nơi gần gũi và có tác động mạnh mẽ nhất đến sự phát triển của trẻ. Trẻ em bị ảnh hưởng bởi rất nhiều yếu tố từ gia đình như cấu trúc gia đình, mối quan hệ cha mẹ với con, nguyên tắc gia đình, sức khỏe tâm thần, sự kiện bạo hành hoặc bị bỏ rơi, lịch sử gia đình trong việc bạo hành và tội phạm. Với sự quan trọng của yếu tố gia đình, phương pháp điều chỉnh quá trình nuôi dưỡng trẻ em trong gia đình như lắng nghe trở thành chìa khóa

bảo vệ trẻ khỏi tương lai phạm pháp, vào tù hoặc chống đối xã hội.

Điểm đáng chú ý tập trung vào giải quyết vấn đề tiềm ẩn tội phạm trong gia đình chính là hỗ trợ bậc phụ huynh phát triển về kỹ năng nuôi dạy trẻ, chỉ ra những thành tố tác động xấu đến trẻ như nghèo đói, bạo hành về thể chất, sự hung bạo, thiếu quan tâm đến trẻ. Biện pháp giải quyết vấn đề xã hội không chỉ đầu tư vào phụ huynh mà còn hỗ trợ trẻ về mặt giáo dục, y tế, cố vấn, hỗ trợ tâm lý, tăng kỹ năng xã hội và đời sống, và tìm ra đam mê bản thân.

Trong một nghiên cứu [5] đã chỉ ra 7 loại tác động của gia đình nhằm giảm thiểu tội phạm trẻ em và thanh thiếu niên: 1) phòng ngừa mang thai khi còn nhỏ tuổi, 2) cung cấp sự hỗ trợ và tư vấn cho mẹ và trẻ sơ sinh, 3) hướng dẫn tăng chất lượng chăm sóc gia đình, 4) hỗ trợ giáo dục cho trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, 5) giúp đỡ bậc cha mẹ nếu họ đang gặp khó khăn và căng thẳng, 6) tăng những biện pháp bảo vệ trẻ và thành viên gia đình khỏi bạo hành, 7) giảm tỷ lệ trẻ em vô gia cư.

- Trường học

Vai trò của nhà trường trong việc giáo dục và giúp đỡ tích cực cho trẻ em và thanh thiếu niên đứng thứ hai sau gia đình, quan trọng như là một tổ chức phòng, chống tội phạm. Giáo dục là một yếu tố bảo vệ quan trọng trong việc dẫn tới những điều kiện của tội phạm và trường học là tổ chức chính của xã hội mà thông qua đó những người trẻ được giáo dục, học các kỹ năng học tập cơ bản, và phát triển nhận thức. Là một tổ chức phòng ngừa tội phạm vị thành niên, vai trò quan trọng nhất của các trường là dạy cho trẻ em biết đọc, viết, tính toán và suy nghĩ. Giống như gia đình, trường học cũng cung cấp cho các thanh niên một môi trường rất quan trọng để họ giao lưu xã hội tích cực và phát triển các năng lực xã hội cơ bản.

Một vai trò rất quan trọng của trường học là giúp ngăn chặn tội phạm. Nhà trường là nơi tốt nhất đào tạo kỹ năng học thuật, nhận thức cơ bản. Dưới góc độ ngăn ngừa tội phạm, nhà trường tạo cho trẻ môi trường tăng giao tiếp xã hội, tăng tương tác giữa các kỹ năng với nhau.

Trường học trở thành cầu nối truyền tải chương trình ngăn chặn tội phạm đến với trẻ em. Chương trình được áp dụng sẽ giảm thiểu sự bất nạt, bạo lực, thành lập nhóm hội không lành mạnh. Chương trình thông qua các phương pháp sáng tạo được áp dụng với trẻ có nguy cơ phạm tội cao, thúc đẩy chúng học tập, tham gia các câu lạc bộ và tăng tương tác xã hội. Phương pháp này đào tạo từng cá nhân theo nhu cầu của chúng, xây dựng chương trình học có tính liên hệ cao, sử dụng nhiều biện pháp cho trẻ gặp vấn đề, cho phép trẻ có tiếng nói hơn trong chính sách của trường,...

- Thị trường lao động

Tỷ lệ thất nghiệp có thể tương quan với hành vi phạm tội mặc dù mối quan hệ không phải lúc nào cũng rõ ràng ở các cá nhân, cộng đồng và xã hội. Không phải ngẫu nhiên nhưng những cộng đồng có tỷ lệ tội phạm cao nhất thường có tỷ lệ thất nghiệp cao nhất. Hơn nữa, một số lượng không cân xứng của tội phạm ở nam giới thất học từ 16 đến 25 tuổi và đó cũng là nhóm có xu hướng có tỷ lệ thất nghiệp cao. Trong lịch sử lâu dài đã tồn tại sự cố gắng để ngăn chặn sự tấn công của hành vi phạm tội bằng cách kéo người dân vào thị trường lao động. Đào tạo công việc và nghề nghiệp cũng đã được sử dụng như một hình thức phục hồi chức năng cho người phạm tội. Chương trình việc làm dựa trên mục tiêu được thực hiện phổ biến trong các khu phố với tỷ lệ tội phạm và tỷ lệ thất nghiệp cao. Một công việc hợp pháp có thể giúp thúc đẩy kết nối xã hội, mở rộng mạng lưới xã hội và tích hợp mọi người vào các tổ chức xã hội. Điều này làm giảm thiểu việc thỏa mãn các nhu cầu cá nhân thông qua các cách thức bất hợp pháp.

Phương pháp tiếp cận dựa vào lao động để phòng ngừa tội phạm thường nhắm vào những đối tượng người lớn có nguy cơ phạm tội cao, bị kết án và ân xá, hoặc thất nghiệp lâu năm. Hầu hết các chương trình phòng ngừa tội phạm được tiến hành dựa trên một trong hai hình thức: 1) tìm việc làm cho các thanh thiếu niên có nguy cơ, thất nghiệp lâu năm, hoặc người phạm tội bị kết án; 2) cung cấp đào tạo nghề hoặc kinh nghiệm cho các nhóm này. Một số ví dụ về các chương trình phòng ngừa dựa trên sự phát triển xã hội

căn cứ vào lao động bao gồm công việc mùa hè hay chương trình làm việc được trợ cấp, đào tạo nghề, chuyên hướng trước khi xét xử đối với người phạm tội. Việc đào tạo này như một điều kiện của trường hợp miễn trách nhiệm hình sự cần được nghiên cứu và phát triển. Ngoài ra phòng ngừa dựa trên sự phát triển xã hội căn cứ vào việc làm cho thanh thiếu niên có nguy cơ hoặc người phạm tội bị kết án, chuyên giao và hỗ trợ việc làm cho những người được ra tù. Các doanh nghiệp cung cấp các khoản vay lãi suất thấp hoặc không lãi suất để khởi nghiệp kinh doanh, cũng như tiền lương và trợ cấp xã hội.

- Khu dân cư và cộng đồng

Khái niệm “cộng đồng” truyền thống được định nghĩa trong các khu vực có tính đặc thù hay các khu dân cư. Những khu vực này có thể trong phạm vi một cơ quan hoặc lớn đến vài dặm vuông. “Cộng đồng” cũng có thể được định nghĩa theo xã hội học như là một đơn vị hữu cơ của các tổ chức xã hội đặc trưng bởi mối quan hệ và mạng lưới quan hệ cá nhân, một mức độ cao của sự tương tác xã hội và sự gắn kết, một cảm giác phụ thuộc và những mục tiêu chung, cảm giác của sự trọn vẹn [6]. Một giả thuyết cho phòng ngừa tội phạm trên nền tảng cộng đồng là sự mất mát những gắn kết xã hội trong cộng đồng đã góp phần dẫn tới tội phạm và rối loạn trong xã hội hiện đại. Theo nghĩa này, xã hội đô thị hiện đại là “thành thị cô lập, vô tổ chức giữa các cá nhân với nhau dẫn đến kết quả của tình trạng bừa bãi, xa lánh và vô tổ chức nội bộ đẩy họ về phía tội phạm và sự lệch chuẩn” [7].

Theo đó, hiệu quả của các chương trình phòng ngừa tội phạm thường phụ thuộc vào sự tồn tại của sự gắn kết xã hội tại địa phương hoặc ý nghĩa của “cộng đồng”. Trong khi một số chương trình xem khu dân cư chỉ đơn giản là các không gian tại địa phương, các chương trình phòng ngừa tội phạm dựa trên sự phát triển xã hội được thiết kế với khái niệm xã hội học của cộng đồng và tạo thành triết lý của tổ chức phòng ngừa tội phạm riêng biệt.

Phòng ngừa tội phạm trên nền tảng cộng đồng có liên quan đến tăng cường hoặc thay đổi các hành vi cá nhân và tập thể của cộng đồng dân

cur để hình thành hoặc tăng cường một môi trường xã hội không chính thức tại địa phương. Chiến lược phòng ngừa này có thể tự điều chỉnh chính nó, bao gồm cả phòng ngừa các hành vi phạm tội và gây mất trật tự. Kiểm soát xã hội không chính thức phụ thuộc vào sự gắn kết xã hội của địa phương. Do đó, sự gắn kết xã hội phải được bồi dưỡng như một điều kiện tiên quyết để kiểm soát xã hội không chính thức và phòng ngừa tội phạm trong cộng đồng.

Tóm lại, những điều kiện tiên quyết cho phòng ngừa tội phạm là sự gắn kết xã hội, hoạt động tập thể, và kiểm soát xã hội không chính thức. Cộng đồng được coi là một tổ chức phòng ngừa tội phạm, cũng giống như gia đình, nhà trường, hoặc các thị trường lao động. Do đó, mục tiêu cơ bản của phòng ngừa tội phạm trên nền tảng cộng đồng là chuyển đổi các khu phố từ một thực thể không gian thành một tổ chức lâu dài: một cộng đồng.

- Những địa điểm

Thiết chế này đề cập khái niệm “những địa điểm” liên quan đến những không gian cấu trúc vật lý hay môi trường vật lý như nhà ở, công sở, khu chung cư, công viên, đường phố, khu đỗ xe, bệnh viện, sân bay, bến tàu xe,... Đây là những địa điểm có thể trở thành mục tiêu của nhiều loại tội phạm như xâm phạm sở hữu, vũ lực, tình dục. Những địa điểm này cũng có liên quan đến nhiều dạng nạn nhân hoá (các quá trình trở thành nạn nhân của tội phạm). Chính vì vậy mà những cách tiếp cận tình huống nhằm làm giảm cơ hội trong phòng ngừa tội phạm đặt giả thuyết rằng mọi sự kiện phạm tội xảy ra ở trong những địa điểm nhất định. Do đó, nếu những nơi này được thiết kế và quản lý một cách phù hợp, có thể phòng ngừa và làm giảm những cơ hội phạm tội. Phòng ngừa tình huống phạm tội tập trung vào loại bỏ hoặc làm giảm các cơ hội xảy ra các hành vi phạm tội bằng cách làm cho chúng trở nên khó khăn hơn thông qua việc tăng cường an ninh cơ sở vật chất ở những địa điểm nhất định.

Khái niệm địa điểm đặc biệt quan trọng đối với lý luận và thực tiễn của phòng ngừa tội phạm

thông qua thiết kế môi trường vật chất. Giả thuyết đặt ra cho phòng ngừa tội phạm thông qua thiết kế môi trường vật chất là một số dạng thiết kế không gian vật chất có khả năng dẫn đến một số hành vi phạm tội hơn các dạng thiết kế khác. Trái lại, thiết kế hợp lý và sử dụng hiệu quả môi trường của tòa nhà có thể giảm cơ hội cho tội phạm xảy ra.

- Lực lượng công an và hệ thống tư pháp hình sự

Lực lượng công an rõ ràng đóng một vai trò rất lớn trong việc ngăn chặn tội phạm và tăng tối đa an ninh khu dân cư. Kiểm soát cộng đồng và kiểm soát vấn đề được nhìn nhận là những triết lý phòng ngừa tội phạm quan trọng nhất của công an hiện nay. Kiểm soát cộng đồng liên quan đến việc cải thiện mối quan hệ giữa lực lượng công an và cộng đồng mà họ phục vụ, trong khi kiểm soát vấn đề tập trung vào các biện pháp hiệu quả để ngăn ngừa và kiểm soát tội phạm bằng việc tập trung vào nguyên nhân.

Hệ thống tư pháp hình sự bị chỉ trích là thiết chế dựa trên số lượng có giới hạn những phản ứng thiếu linh hoạt về tội phạm và không thể tổ chức các giải pháp mang tính tiên phong cũng như các biện pháp phòng ngừa. Sự thật là hệ thống tư pháp hình sự chỉ vào cuộc khi tội phạm xảy ra. Tuy nhiên, có ba điểm cần được làm rõ để giảm thiểu sự phê phán về hệ thống tư pháp hình sự với tư cách là một chủ thể phòng ngừa tội phạm. Đầu tiên, sự kiểm soát xã hội không chính thức phải được đi kèm với hoặc được bổ sung bởi kiểm soát xã hội chính thức trong việc kiểm soát tội phạm trong bất kỳ một xã hội nào. Hai là, cần phải xem xét vai trò ngăn chặn của hệ thống tư pháp hình sự trong việc ngăn chặn và phòng ngừa tội phạm. Mặc dù xã hội đã có phản ứng linh hoạt và kịp thời của lực lượng công an nhưng nỗi sợ bị trừng phạt phải tồn tại trong tiềm thức mọi người, bất kỳ ai cũng sẽ bị bắt giam nếu phạm tội. Ba là, hệ thống tư pháp hình sự và các thành phần của nó (luật sư, giám định, trợ giúp pháp lý) cũng được trang bị nhiều kiến thức và kỹ năng về phòng ngừa tội phạm. Trong thực hiện công vụ, lực lượng công an phải tuân theo chuẩn mực cộng đồng và quy định về kiểm soát vấn đề trong khi các tòa án hình sự trở nên linh động, tăng cường xử lý chuyển hướng, tăng thêm

các phán quyết với miễn giảm trách nhiệm hình sự và hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện trên cơ sở gắn kết với các chương trình, chiến lược phòng ngừa tội phạm, đáp ứng nhu cầu của xã hội cũng như người phạm tội. Tóm lại, hệ thống tư pháp hình sự sẽ tiếp tục hoàn thiện để hỗ trợ tốt hơn nữa trong phòng ngừa tội phạm với tư cách là chủ thể của kiểm soát xã hội chính thức. Lực lượng công an nhìn chung luôn đóng vai trò then chốt trong việc phòng ngừa tội phạm ở địa phương.

- Nhân sự của chính phủ, dịch vụ công cộng

Bên cạnh hệ thống tư pháp hình sự, chính quyền các cấp từ trung ương đến địa phương đóng một vai trò quan trọng trong việc phòng ngừa tội phạm thông qua các cơ quan, tổ chức, các nhân viên nhà nước, các dịch vụ cung cấp. Ví dụ như hệ thống giáo dục công đồng, hệ thống chăm sóc sức khỏe, các chương trình nhà ở và phát triển nông thôn, các khu công nghiệp, các quy chế phúc lợi xã hội hoặc hỗ trợ thu nhập. Như đã đề cập bên trên, các trường học là đối tượng thứ hai sau gia đình với tư cách là thiết chế phòng ngừa tội phạm. Các cơ quan phúc lợi của chính phủ đóng một vai trò quan trọng trong việc giúp đỡ các gia đình hình thành môi trường nuôi dưỡng tốt cho trẻ bằng việc hỗ trợ bố mẹ, đặc biệt là trong giai đoạn khủng hoảng. Chính quyền cũng có nghĩa vụ pháp lý ra quyết định đưa một đứa trẻ bị nguy hiểm ra khỏi nhà và có các biện pháp chăm sóc cần thiết. Các cơ quan nhà nước từ trung ương đến địa phương là những chủ thể đóng vai trò chủ chốt trong việc gây quỹ và phát triển cộng đồng ở những khu vực nghèo, có tỉ lệ tội phạm cao. Tất cả đều là nền tảng cộng đồng quan trọng trong việc tiếp cận phòng ngừa tội phạm.

- Hệ thống chăm sóc sức khỏe (tâm lý và tâm thần)

Các vấn đề sức khỏe về tâm lý và thể chất có thể làm tăng nguy cơ phạm tội và các hành vi nguy hiểm, các hành vi chống đối xã hội khác liên quan chặt chẽ đến tội phạm như lạm dụng thuốc kích thích hoặc bỏ nhà ra đi lang thang. Nghiên cứu chỉ ra rằng rối loạn tâm lý trẻ nhỏ, ví dụ như rối loạn tập trung hoặc rối loạn kiểm soát

đều là nguyên nhân nguy hiểm cho tội phạm trong tương lai. Nghiên cứu cũng cho thấy hơn nửa số trẻ vị thành niên phạm tội trong các trại giam của Mỹ có vấn đề sức khỏe thể chất [8] và số lượng tù nhân là người đã thành niên ở Mỹ có vấn đề sức khỏe thể chất gấp 4 lần so với tỉ lệ chung [9]. Một nghiên cứu nhận định rằng có ít nhất 2/3 số lượng cơ sở cải tạo ở Mỹ có một người hoặc nhiều hơn mắc chứng rối loạn tâm thần [10].

Việc chẩn đoán kịp thời và có phương pháp điều trị phù hợp cho những rối loạn tâm lý và vấn đề sức khỏe có thể giảm khả năng phạm tội. Các chương trình can thiệp về sức khỏe này cũng cần được tuyên truyền rộng rãi để cộng đồng nói chung và đặc biệt là các thanh thiếu niên nói riêng để có sự hiểu biết về giá trị và tính hữu ích của nó trong phòng ngừa tội phạm, và do đó việc triển khai mới có hiệu quả cao. Những sự can thiệp mang tính chất phòng ngừa cho người vị thành niên thông qua gia đình, trường học, cộng đồng để giúp đảm bảo cho những *biện pháp* chăm sóc sức khỏe kịp thời về thể chất tại nhà và tại các cơ sở dịch vụ công cộng hay các cơ sở cải tạo là hết sức quan trọng.

Bệnh viện chuyên biệt là nơi trị liệu đối với loại tội phạm mắc rối loạn tâm thần, gồm 4 nhóm: tâm thần phân liệt, rối loạn - trầm cảm, rối loạn trầm cảm điển hình, và rối loạn nhân cách chống đối xã hội. Nhóm người có hành vi nguy hiểm này không thể được điều trị trong các bệnh viện tâm thần thông thường vì nơi đó không được trang bị đủ để quản lý những người này và họ cũng không thể bị giam giữ trong nhà tù vì họ không phải người phạm tội theo luật hình sự. Greenland (1969) đã đưa ra giải pháp là thành lập các bệnh viện đặc biệt – các tổ chức không phải nhà tù nhưng xác lập các giới hạn tương đối để những người phạm tội bị tâm thần có thể điều trị [11]. Trong lịch sử ở Vương Quốc Anh có thể kể đến bệnh viện Broadmoor ở Berkshire mở vào năm 1863, bệnh viện Rampton ở Nottingham vào năm 1910, bệnh viện Park Lane vào năm 1974,... Đặc trưng chung của các loại bệnh viện này là thất chặt yếu tố an ninh (có tường dày, hàng rào, khóa và các thanh chắn tránh trốn thoát), tuy nhiên số lượng sĩ quan an ninh rất ít.

Phương pháp được tiến hành trong các bệnh viện chuyên biệt đối với những tù nhân về cơ bản là giống như các bệnh viện tâm thần bình thường khác (sử dụng thuốc, giáo dục kỹ năng xã hội và nghề nghiệp, trị liệu tâm lý và các kỹ thuật thay đổi hành vi). Tuy nhiên các phương pháp tâm lý lâm sàng như trị liệu nhận thức – hành vi, trị liệu tâm sinh lý, được ứng dụng rộng rãi, đặc biệt đối với các loại tội phạm tình dục đã giúp giảm hành vi tiêu cực và tỷ lệ tái phạm [12, 13].

Trung tâm trị liệu thanh thiếu niên: Ở Hoa Kỳ, các tội phạm vị thành niên thường được đưa vào các trung tâm an toàn với mục đích chính là trị liệu, cải tạo để các em trở thành người có ích cho xã hội, giảm các biện pháp an ninh và trừng phạt. Phương pháp trị liệu thường là *cơ chế thưởng - phạt trong lý thuyết Skinner, cơ chế học tập qua quan sát trong lý thuyết Bandura*. Các loại tội phạm được trị liệu chủ yếu là tội phạm bạo lực và tình dục. Số lượng trị liệu có thể theo cá nhân hoặc nhóm, nội dung bao gồm các hoạt động chính như: Tham vấn về hành vi gây hấn và bạo lực; Kiểm soát cảm xúc tức giận và lo âu; Tăng khả năng tự kiểm soát bản thân,... [14]. Các hoạt động đào tạo kỹ năng sống cũng được thêm vào để giúp các phạm nhân có cơ hội tái hòa nhập tốt hơn sau khi ra khỏi trung tâm. Sự nói lòng an ninh sẽ tăng dần tùy theo mức độ tiến bộ của tù nhân.

4. Các nguyên tắc phòng ngừa tội phạm

Ngoài những vấn đề quan trọng về phòng ngừa tội phạm đã phân tích bên trên, việc thiết lập rõ những nguyên tắc trong phòng ngừa tội phạm cũng rất cần thiết để hài hòa các giá trị xã hội cũng như nguồn lực của xã hội, nhằm đạt được kết quả cao nhất có thể. Những nguyên tắc phòng ngừa được thừa nhận chung gồm có [15]:

1) Vai trò lãnh đạo của chính phủ

Tất cả các cấp chính quyền cần đóng vai trò lãnh đạo trong việc phát triển các chiến lược ngăn ngừa tội phạm nhân đạo và hiệu quả, cũng như trong việc xây dựng và duy trì các khuôn

khô thể chế để thực hiện và xem xét các chiến lược đó.

2) Phát triển và hòa nhập kinh tế - xã hội

Các dự tính về phòng ngừa tội phạm cần được lồng ghép vào tất cả các chính sách và chương trình kinh tế - xã hội có liên quan, bao gồm các chương trình giải quyết việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở và quy hoạch đô thị, xóa đói giảm nghèo, tái hòa nhập. Cần đặc biệt chú trọng đến cộng đồng, gia đình, trẻ em và thanh thiếu niên trong nhóm nguy cơ

3) Hợp tác/đối tác

Hợp tác/đối tác phải là một phần không thể thiếu của việc phòng ngừa tội phạm hiệu quả, xét theo bản chất đa dạng của các nguyên nhân gây ra tội phạm, các kỹ năng và trách nhiệm cần thiết để giải quyết chúng. Điều này bao gồm quan hệ đối tác làm việc giữa các bộ và các cơ quan chức năng, giữa các tổ chức cộng đồng, tổ chức phi chính phủ, khu vực doanh nghiệp và tư nhân.

4) Tính bền vững/ trách nhiệm giải trình

Ngăn ngừa tội phạm đòi hỏi phải có đủ nguồn lực để có thể duy trì nguồn tài trợ cho tổ chức và hoạt động. Cần có trách nhiệm giải trình rõ ràng đối với việc cấp vốn, thực thi và đánh giá để đạt được các kết quả theo kế hoạch.

5) Cơ sở kiến thức

Các chiến lược, chính sách, chương trình và hành động phòng ngừa tội phạm phải dựa trên cơ sở kiến thức rộng rãi và đa ngành về các vấn đề tội phạm, nguyên nhân của tội phạm cũng như từ thực tiễn đã được nghiệm chứng.

6) Quyền con người/ pháp quyền/ văn hóa thượng tôn pháp luật

Nhà nước pháp quyền và những quyền con người được thừa nhận trong các văn kiện quốc tế phải được các quốc gia thành viên tôn trọng trong mọi khía cạnh phòng ngừa tội phạm. Văn hóa thượng tôn pháp luật cần được tích cực phát huy trong phòng ngừa tội phạm.

7) Sự phụ thuộc lẫn nhau

Các chiến lược quốc gia và các sự phân tích về phòng ngừa tội phạm, nếu thích hợp, cần tính

đến mối liên hệ giữa các vấn đề tội phạm trong nước và tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.

8) Sự khác biệt

Các chiến lược phòng ngừa tội phạm cần quan tâm đúng mức đến các nhu cầu khác nhau của nam giới và nữ giới, xem xét các nhu cầu đặc biệt của nhóm công dân dễ bị tổn thương trong xã hội.

5. Kết luận và gợi mở

Nghiên cứu về khái niệm phòng ngừa tội phạm cho thấy tại Việt Nam mặc dù đã triển khai được nhiều chương trình và chiến lược phòng ngừa nhưng vẫn nặng về yếu tố “chống” thông qua hệ thống tư pháp hình sự mà chưa có nhiều đột phá để nhận diện và can thiệp cho những người phạm tội tiềm tàng và những nạn nhân tiềm tàng. Điều này cũng cho thấy khả năng đánh giá và dự báo tội phạm còn hạn chế do thiếu nhiều công cụ đo lường, đánh giá. Các chủ thể và thiết chế phòng ngừa tại Việt Nam cũng còn thiếu để ứng phó với sự thay đổi nhanh chóng và ngày càng phức tạp của hiện tượng tội phạm. Những thiết chế còn yếu hay thiếu có thể kể đến như thiết chế phòng ngừa liên quan chăm sóc sức khoẻ tâm lý và tâm thần, thiết chế phòng ngừa hoạt động trong thị trường lao động, thiết chế phòng ngừa tại một số địa điểm như tại các cơ sở kinh doanh, dịch vụ có yếu tố đặc thù hay nhạy cảm (tiệm vàng, ngân hàng, quán karaoke). Ngoài ra nhiều chương trình, chiến lược phòng ngừa tội phạm tại Việt Nam còn chưa được xây dựng trên các phương pháp hiện đại, tiên tiến, chẳng hạn như phương pháp dựa trên bằng chứng (evidence based method) để giúp cho hoạt động phòng ngừa đi đúng hướng và đạt hiệu quả tối ưu.

Hệ thống phòng ngừa tội phạm tại mỗi quốc gia có vai trò và giá trị quan trọng không chỉ trong công tác phòng ngừa tội phạm mà còn là nền tảng để phát triển bền vững và an toàn các chính sách kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh con người, tạo hành lang hợp tác quốc tế và thực hiện nhiều chương trình song phương, đa phương

giữa các quốc gia trong khu vực và toàn cầu. Một số học thuyết và chiến lược phòng ngừa tội phạm không chú trọng vào tội phạm hoặc hành vi bất hợp pháp theo quy định của pháp luật mà tập trung vào sự mất trật tự và xử sự khiếm nhã bởi chúng có thể góp phần vào sự bất ổn địa phương và dẫn đến tội phạm. Theo một nghiên cứu [16], tình trạng mất trật tự và xử sự khiếm nhã phân làm hai loại: vật chất và xã hội. Những dấu hiệu vật chất bao gồm sự suy giảm về chất lượng của các tòa nhà, xả rác, các hình vẽ bậy (trên tường, xe cộ,...), phá hoại, các tòa nhà và xe cộ bị bỏ hoang. Một số dấu hiệu xã hội về sự mất trật tự và hành vi khiếm nhã là say rượu nơi công cộng, bụi đời, thanh niên lảng vảng theo nhóm, quấy rối (chẳng hạn như ăn xin), buôn bán ma túy và sử dụng ma túy.

Sự mất trật tự và hành vi khiếm nhã có thể được giải quyết bằng cách huy động và tổ chức các tổ dân phố. Đây chính là hình thức của kiểm soát xã hội không chính thức và nó đủ mạnh để giúp ngăn chặn hành vi khiếm nhã và bảo đảm an ninh, trật tự ở cả hai góc độ vật chất và xã hội. Một số chiến lược phòng chống tội phạm từ cách tiếp cận tình huống đã nhấn mạnh “không khoan nhượng”, có nghĩa là ngăn chặn, nhanh chóng bắt giữ và trừng phạt hành vi khiếm nhã và các vấn đề mất an ninh, trật tự. Cách tiếp cận này cho thấy việc giải quyết các vấn đề mất an ninh, trật tự có thể giúp giải quyết một số yếu tố thúc đẩy hoặc khuyến khích tội phạm [17].

Những mô hình phòng ngừa điển hình và phổ biến trên thế giới được phát triển trên cơ sở những nhận thức sâu sắc về phòng ngừa tội phạm như: 1) Phòng ngừa tội phạm trên cơ sở tình huống phạm tội và tăng cường cơ sở vật chất; 2) Phòng ngừa tội phạm trên cơ sở sự phát triển xã hội hướng tới thanh thiếu niên; 3) Phòng ngừa tội phạm trên nền tảng cộng đồng; 4) Phòng ngừa tội phạm thông qua tái hoà nhập xã hội cho người phạm tội. Những mô hình phòng ngừa tội phạm điển hình cùng những chiến lược phòng ngừa tội phạm là những nội dung gợi mở cần tiếp tục cần được nghiên cứu và làm rõ trong những nghiên cứu tiếp theo.

Tài liệu tham khảo

- [1] T. T. Việt (chủ biên), Lý thuyết kiểm soát xã hội đối với tội phạm và ứng dụng ở Việt Nam. Tái bản lần thứ nhất, có sửa đổi bổ sung. NXB. Tư pháp, Hà Nội, 2022.
- [2] R. Tolan, J. Q. Wilson, J. Petersilia, Crime prevention: Focus on Youth, in *Crime: Public Policies for Crime Control*, Eds., ICS Press, Oakland, CA, 2002, pp. 109.
- [3] F. Schmalleger, R. Volk, *Canadian Criminology Today - Theories and Application*. Second Edition. Pearson Education Canada, Toronto, Ontario, pp. 312.
- [4] I. Baker, R. Linden, *Community Crime Prevention*, Ministry of the Solicitor General Canada, Ottawa, Ontario, Canada, 1985, pp. 15.
- [5] J. Graham, *Crime Prevention Strategies in Europe and North America*, Helsinki Institute for Crime Prevention and Control, affiliated with the United Nations, Helsinki, Finland, 1995, pp. 2.
- [6] J. Crank, *Watchman and Community: Myth and Institutionalization in Policing*, *Law and Society Review*, Vol. 28, No. 2, pp. 336-337.
- [7] B. Leighton, *Visions of Community Policing: Rhetoric and Reality in Canada*, *Canadian Journal of Criminology*, Vol. 33, No. 3-4, pp. 353.
- [8] D. J. James, L. E. Glaze, *Highlights: Mental Health Problems of Prison and Jail Inmates*, Bureau of Justice Statistics, Special Report, U. S. Department of Justice, Office of Justice Programs, 2006.
- [9] Human Rights Watch, *Ill-Equipped: US Prisons and Offenders with Mental Illness*, Human Rights Watch, New York, 2003.
- [10] L. Rapp-Palichi, A. R. Roberts, *Mental Illness and Juvenile Offending*, in *Juvenile Justice Sourcebook: Past, Present, and Future*, Robert, Ed., Oxford University Press, Oxford, 2004, pp. 289-307.
- [11] C. Greenland, *The Three Special Hospitals in England and Wales and Patients with Dangerous, Violent or Criminal Propensities*, *Medicine, Science and the Law*, 1969.
- [12] D. E. Perkins, *The Treatment of Sex Offenders*, in P. Feldman (ed.) *Developments in the Study of Criminal Behaviour*, 1982, Vol. 1.
- [13] R. I. Lanyon, *Theory, Treatment in Child Molestation*, *Journal of Consulting and Clinical Psychology*, 1986.
- [14] E. B. Ostapiuk, S. Westwood, *Glenthorne Youth Treatment Centre: Working with Adolescents in Gradations of Security*, in C. R. Hollin, K. Howells (eds) *Clinical Approaches to Criminal Behaviour, Issues in Criminological and Legal Psychology*, Leicester: British Psychological Society, 1986, No. 9.
- [15] United Nations Office on Drugs and Crime. *International Centre for the Prevention of Crime. Handbook on the Crime Prevention Guidelines. Making Them Work*. United Nations Publication, Vienna, 2010, pp. 22-23.
- [16] S. P. Lab, *Crime Prevention Approaches, Practices, and Evaluations*, 5th ed., Anderson Publishing (Lexis Nexis), New York, 2004, pp.15.
- [17] J. Wilson. G. Kelling, *Broken Windows*, *Atlantic Monthly*, March 31, 1982, pp. 29-38.